UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 17 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ XĂNG, DẦU THÀNH PHẨM TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
I	**Tổng Đại lý DNTN Trương Dung**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.12	
4	Dầu DO 0.001S	TCVN	đ/lit	20.250		20.250	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	20.480		20.480	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	230	1.14	
II	**Công ty TNHH một thành viên Dầu khí HCM - CN An Giang**													

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.140		21.140	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	21.310		21.310	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	21.970		21.970	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.230		22.230	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.18	
3	Dầu DO 0.05S	TCVN	đ/lít	19.420		19.420	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.640		19.640	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.13	
III	**Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	220	1.12	
IV	**Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	170	0.8	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	220	1.12	
4	Dầu DO 0.001S-V	TCVN	đ/lít	20.250		20.250	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	20.480		20.480	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	230	1.14	
5	Dầu hoa 2-K	TCVN	đ/lít	19.940		19.940	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	20.240		20.240	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	300	1.5	
V	**DNTN Hiệp Hưng**													
1	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.17	
2	Dầu DO 0.05%	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.12	
VI	**Cty TNHH Xăng dầu Huy Hoàng**													
1	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	260	1.17	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
2	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	220	1.12	
VII	**Cty TNHH MTV Nhiên liệu Hòa Phát**													
1	Dầu DO 0.05%	TCVN	đ/lit	19.420		19.420	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.640		19.640	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.13	
VIII	**CN Tổng Công ty TM-XNK Thanh Lễ - CTCP Tại An Giang**													
1	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.17	
2	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.12	
IX	**Công ty TNHH XD Giang Nam - Chi nhánh Tây Nam Bộ**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ ngày 06/6/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ ngày 13/6/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ ngày 13/6/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ ngày 13/6/2024	220	1.12	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
X	**CÔNG TY CP TM DT DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.12	
XI	**Công ty TNHH Dương Đông - An Giang**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	220	1.12	
XII	**Thương nhân phân phối - Cty TNHH Trương Phát Thịnh**													

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	260	1.17	
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	220	1,12	
4	Dầu DO 0.001S-V	TCVN	đ/lit	20.250		20.250	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/6/2024	20.480		20.480	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/6/2024	230	1,14	
XIII	**DNTN Phạm Nhựt Tân**													
1	Dầu DO 0.05%	TCVN	đ/lit	19.420		19.420	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.640		19.640	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.13	
XIV	**DNTN An Kiên**													
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lít	21.340		21.340	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	21.510		21.510	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	170	0.8	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lít	22.170		22.170	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	22.430		22.430	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	260	1.17	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành (Đã bao gồm VAT)				Mức kê khai mới (Đã bao gồm VAT)				Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Thời gian thực hiện			
3	Dầu DO 0.05S-II	TCVN	đ/lít	19.620		19.620	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	19.840		19.840	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	220	1.12	
4	Dầu DO 0.001S	TCVN	đ/lít	20.250		20.250	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 06/06/2024	20.480		20.480	Lúc 15 giờ 00 phút ngày 13/06/2024	230	1.14	

An Giang, ngày 17 tháng 06 năm 2024

LẬP BIỂU

Dương Tuyết Nhung

PHÒNG QUẢN LÝ GIÁ -CÔNG SẢN

Lê Thị Hậu

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH AN GIANG

Lê Quốc Bình